**BẢNG SO SÁNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO**

**HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

***(Các nội dung được sửa đổi, bổ sung)***

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

| **NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2016/NQ-HĐND**  **VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 76/2018/NQ-HĐND**  **(NHIỆM KỲ 2016 - 2021)** | | **NGHỊ QUYẾT MỚI THỰC HIỆN CHO NHIỆM KỲ 2021 - 2026**  **CỦA HĐND CÁC CẤP** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chi** | **Mức chi và kinh phí** | **Đề xuất nội dung**  **Nghị quyết mới** | **Mức chi và kinh phí** | **Dự kiến kinh phí**  **tăng thêm so**  **nhiệm kỳ trước** |
| **II. CHI CHO CÔNG TÁC GIÁM SÁT, KHẢO SÁT** | | | | |
| Chi cho công tác giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND  *(Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND)* | | **Bổ sung thêm đối tượng được chi**: Tổ đại biểu HĐND.  *Lý do:* tại khoản 1 Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện có chức năng giám sát. | Mức chi: giữ nguyên. | Không phát sinh. |
| **IV. CHI HỖ TRỢ ĐẠI BIỂU HĐND** | | | |  |
| **3.** Đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền báo chí và thông tin cần thiết khác theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Uỷ ban th­ường vụ Quốc hội khóa XIII phục vụ hoạt động của đại biểu với mức khoán:  *(Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND)* | **\* Mức chi:**  - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/tháng/người.  - Cấp huyện: 300.000 đồng/tháng/người.  - Cấp xã: 200.000 đồng/tháng/người.  Ngoài ra, đại biểu HĐND tỉnh được cung cấp Báo đại biểu nhân dân, Báo Trà Vinh. | **Bổ sung thêm quy định:** Trường hợp là đại biểu HĐND hai cấp thì hưởng mức hỗ trợ ở cấp cao nhất, do Thường trực HĐND cấp cao nhất chi trả. | Mức chi: giữ nguyên. | Không phát sinh. |
| **V. CHẾ ĐỘ CHI KHÁC** | | | | |
| **1. Chế độ chi tiêu phục vụ kỳ họp HĐND và Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh, Thường trực HĐND các huyện - thị xã - thành phố** | | | | |
| **1.1.** Chi hỗ trợ tiền ăn tập trung sau bế mạc mỗi kỳ họp cho đại biểu HĐND, khách mời và lực lượng trực tiếp phục vụ kỳ họp HĐND *(lực lượng trực tiếp phục vụ kỳ họp gồm cán bộ, công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, phóng viên báo đài, công an bảo vệ),* mức chi: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:  *(Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND)* | **\* Mức chi:** 150.000 đồng/người.  **\* Kinh phí:**  **- Kỳ họp thường lệ:**  **+** Cấp tỉnh: 150 người x 150.000đ x 2 kỳ = **45.000.000 đồng/năm**  + Cấp huyện: 120 người x 9 x 150.000đ x 2 kỳ = **324.000.000 đồng/năm**  + Cấp xã: 70 người x 106 x 150.000đ x 2 kỳ = **2.226.000.000 đồng/năm**  - **Kỳ họp chuyên đề:**  + Cấp tỉnh: 100 người x 150.000đ x 2 kỳ = **30.000.000 đồng/năm**  + Cấp huyện: 60 người x 9 x 150.000đ x 2 kỳ = **162.000.000 đồng/năm**  + Cấp xã: 50 người x 106 x 150.000đ x 2 kỳ = **1.590.000.000 đồng/năm**  \* ***Tổng cộng****:* **4.377.000.000 đồng/năm** | **Nâng mức chi:**200.000 đồng/người/kỳ họp.  *Lý do:* mức 150.000 đồng không đủ chi thực tế, do đó, áp dụng mức tham khảo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 85/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: chi mời cơm tiếp khách trong nước: cấp tỉnh chi 300.000 đồng/suất; cấp huyện chi 250.000 đồng/suất; cấp xã chi 200.000 đồng/suất. Trên cơ sở đó, đề xuất nâng mức chi hỗ trợ tiền ăn tập trung sau bế mạc mỗi kỳ họp từ 150.000 đồng lên 200.000 đồng/người/kỳ họp. | **\* Mức chi:**200.000 đồng/người/kỳ họp (tăng 50.000 đồng).  **\* Kinh phí:**  **- Kỳ họp thường lệ:**  **+** Cấp tỉnh: 150 người x 200.000đ x 2 kỳ = **60.000.000 đồng/năm**  + Cấp huyện: 120 người x 9 x 200.000đ x 2 kỳ = **432.000.000 đồng/năm**  + Cấp xã: 70 người x 106 x 200.000đ x 2 kỳ = **2.968.000.000 đồng/năm**  - **Kỳ họp chuyên đề:**  + Cấp tỉnh: 100 người x 200.000đ x 2 kỳ = **40.000.000 đồng/năm**  + Cấp huyện: 60 người x 9 x 200.000đ x 2 kỳ = **216.000.000 đồng/năm**  + Cấp xã: 50 người x 106 x 200.000đ x 2 kỳ = **2.120.000.000 đồng/năm**  ***\* Tổng cộng:* 5.836.000.000 đồng/năm** | **1.459.000.000 đồng/năm.** |
| **1.8.** Chi hỗ trợ tiền ăn tập trung cho cuộc họp nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác tổ chức kỳ họp HĐND cho đại biểu HĐND, khách mời và lực lượng trực tiếp phục vụ, mức chi:  *(Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND)* | **\* Mức chi:**  - Cấp tỉnh: 120.000 đồng/người/cuộc họp.  - Cấp huyện: 100.000 đồng/người/cuộc họp.  - Cấp xã: 80.000 đồng/người/cuộc họp.  **\* Kinh phí:**  - Cấp tỉnh: 50 người x 120.000đ = **6.000.000 đồng/năm**  - Cấp huyện: 34 người x 100.000đ x 9 = **30.600.000 đồng/năm**  - Cấp xã: 25 người x 80.000đ x 106 x 2 kỳ = **424.000.000 đồng/năm**  ***\* Tổng cộng:* 460.600.000 đồng/năm** | **\* Nâng mức chi:**  - Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/cuộc họp.  - Cấp huyện: 120.000 đồng/người/cuộc họp.  - Cấp xã: 100.000 đồng/người/cuộc họp.  *Lý do:* mức chi hiện tại không đủ chi thực tế. | **\* Mức chi:** cấp tỉnh 150.000 đồng (tăng 30.000đ); cấp huyện 120.000 đồng (tăng 20.000đ); cấp xã 100.000 đồng (tăng 20.000đ).  **\* Kinh phí:**  - Cấp tỉnh: 50 người x 150.000đ = **7.500.000 đồng/năm**  - Cấp huyện: 34 người x 120.000đ x 9 = **36.720.000 đồng/năm**  - Cấp xã: 25 người x 100.000đ x 106 x 2 kỳ = **530.000.000 đồng/năm**  ***\* Tổng cộng:* 574.220.000 đồng/năm** | **113.620.000 đồng/năm.** |
| **1.10.** Giao Thường trực HĐND từng cấp được điều chỉnh mức chi hỗ trợ tiền ăn theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm, trên cơ sở phù hợp với khả năng ngân sách của từng cấp.  *(Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND)* |  | **Bỏ quy định này.**  *Lý do:*pháp luật hiện hành không quy định thẩm quyền Thường trực HĐND tỉnh đối với nội dung này. |  |  |
| **1.11.** Chi hỗ trợ tiền ăn tập trung cho đại biểu HĐND, khách mời và lực lượng trực tiếp phục vụ Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh, Thường trực HĐND các huyện - thị xã - thành phố *(số lần tổ chức Hội nghị thực hiện theo Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Thường trực HĐND),* mức chi:  *(Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND)* | **\* Mức chi:** Cấp tỉnh, cấp huyện: 150.000đ/người/Hội nghị”.  **\* Kinh phí:**  a) Cấp tỉnh: 150.000đ x 120 người x 2 lần = **36.000.000 đồng/năm**  b) Cấp huyện: 150.000đ x 82 người x 2 lần x 9 = **221.400.000 đồng/năm**  ***\** *Tổng cộng:* 257.400.000 đồng/năm** | **\* Nâng mức chi:** cấp tỉnh, cấp huyện: 200.000 đồng/người/Hội nghị.  *Lý do:* mức 150.000 đồng không đủ chi thực tế, do đó, áp dụng mức tham khảo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 85/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: chi mời cơm tiếp khách trong nước: cấp tỉnh chi 300.000 đồng/suất; cấp huyện chi 250.000 đồng/suất; cấp xã chi 200.000 đồng/suất. Trên cơ sở đó, đề xuất nâng mức chi từ 150.000 đồng lên 200.000 đồng/người/Hội nghị. | **\* Mức chi:** 200.000 đồng/người/Hội nghị (tăng 50.000 đồng).  **\* Kinh phí:**  a) Cấp tỉnh: 200.000đ x 120 người x 2 lần = **48.000.000 đồng/năm**  b) Cấp huyện: 200.000đ x 82 người x 2 lần x 9 = **295.200.000 đồng/năm**  **\* *Tổng cộng:* 343.200.000 đồng/năm** | **85.800.000 đồng/năm.** |
| **V. CHẾ ĐỘ CHI KHÁC** | | | | |
| **3. Chế độ thăm hỏi trợ cấp** | | | | |
| 3.3. Các mức chi thăm hỏi trợ cấp của cấp huyện, cấp xã:  *(Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND)* | Cấp huyện bằng 70% mức chi của cấp tỉnh; mức chi của cấp xã bằng 70% mức chi của cấp huyện. | **Cần có định mức cụ thể, nên** **sửa đổi:**  **1. Cấp huyện:**  **1.1. Đối với đại biểu HĐND cấp huyện:**  a)Thăm hỏi ốm đau đại biểu HĐND cấp huyện đương nhiệm: 700.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 3.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.  b) Thăm hỏi ốm đau các vị nguyên là đại biểu HĐND cấp huyện: 700.000 đồng/người/lần*.*  c) Viếng đại biểu HĐND cấp huyện, nguyên là đại biểu HĐND cấp huyện từ trần thì Thường trực HĐND cấp huyện viếng 1.500.000 đồng/người*.*  d) Viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND cấp huyện từ trần thì Thường trực HĐND cấp huyện viếng 700.000 đồng/người*.*  **1.2.** **Đối với cán bộ, công chức, người lao động đương nhiệm, nghỉ hưu của Văn phòng cấp ủy và HĐND – UBND cấp huyện trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND:**  a) Thăm hỏi ốm đau cán bộ, công chức, người lao động đương nhiệm, nghỉ hưu: 600.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 1.500.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm. | **Mức chi:** tăng không nhiều. | Không phát sinh nhiều. |
|  |  | **2.** **Cấp xã:**  **2.1. Đối với đại biểu HĐND cấp xã:**  a)Thăm hỏi ốm đau đại biểu HĐND cấpxã đương nhiệm: 500.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 2.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.  b) Thăm hỏi ốm đau các vị nguyên là đại biểu HĐND cấp xã: 500.000 đồng/người/lần.  c) Viếng đại biểu HĐND cấp xã, nguyên là đại biểu HĐND cấp xã từ trần thì Thường trực HĐND cấp xã viếng 1.000.000 đồng/người.  d) Viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND cấp xã từ trần thì Thường trực HĐND cấp xã viếng 500.000 đồng/người.  **2.2.** **Đối với công chức trực tiếp phục vụ cho hoạt động của HĐND cấp xã:**  Thăm hỏi ốm đau công chức trực tiếp phục vụ cho hoạt động của HĐND cấp xã đương nhiệm, nghỉ hưu: 400.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 1.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm. |  |  |
| **4.** Chi tặng quà lưu niệm:  *(Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND)*  - Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng HĐND tỉnh được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND:  - Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng HĐND tỉnh khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm: | Mức chi: cấp tỉnh 2.000.000đồng/người, cấp huyện 1.500.000 đồng/người, cấp xã 1.000.000 đồng/người. Giao Thường trực HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh mức chi trên khi chỉ số giá tiêu dùng tăng nhưng không vượt quá 10% mức chi trên.  Mức chi tối đa là 1.000.000 đồng. | **- Bổ sung cụm từ “hoặc tiền” vào sau cụm từ “quà lưu niệm”.** *Lý do:* có đại biểu ý kiến tặng quà hoặc tiền cuối nhiệm kỳ.  **- Bổ sung cụm từ “trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh” trước cụm từ “Văn phòng HĐND tỉnh”.**  **- Bỏ quy định:** *“Giao Thường trực HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh mức chi trên khi chỉ số giá tiêu dùng tăng nhưng không vượt quá 10% mức chi trên”,* do pháp luật không quy định thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh đối với nội dung này.  **- Sửa đổi theo hướng:**  + Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND, mức chi: cấp tỉnh 4.000.000 đồng/người, cấp huyện 3.000.000 đồng/người, cấp xã 2.000.000 đồng/người.  **+** CBCCNLĐ công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh khi nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm: 3.000.000 đồng/người.  **+** CBCCNLĐ công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh khi chuyển công tác sang cơ quan khác được tặng quà lưu niệm: 2.000.000 đồng/người. | **Mức chi:** giữ nguyên. | Không phát sinh. |
| **TỔNG CỘNG** |  |  |  | **1.658.420.000 đồng/năm.** |

***Ngoài những nội dung đã được bổ sung vào Nghị quyết mới như trên, Nghị quyết mới sẽ tích hợp các nội dung còn lại chưa bị sửa đổi, thay thế của Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND.***